

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 182/2026/DS-ST
Ngày: 19-8-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Vẹn

Bà Diệp Huyền Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Bé Trà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 175/2026/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân L; Địa chỉ trụ sở: số L, khóm A, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng nhân dân L: Ông Lê Văn D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân L.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn D: Ông Hồ Vinh Q, chức vụ: Phó Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân Long Bình theo văn bản ủy quyền số 114/UQ-QTD ngày 19/8/2026 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân L (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trương Văn D1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khóm S, phường L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1934; Địa chỉ: Khóm V, phường L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1935 (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị H1:

1. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1934 (vắng mặt).
2. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1959 (vắng mặt).
3. Ông Phạm Minh L, sinh năm 1964 (vắng mặt).
4. Ông Phạm Văn C1, sinh năm 1969 (vắng mặt).
5. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1972 (vắng mặt).
6. Ông Phạm Thành C2, sinh năm 1976 (vắng mặt).
7. Ông Phạm Thành T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm V, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

8. Ông Phạm Văn V1, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khóm L, phường L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay của người đại diện của nguyên đơn là ông Hồ Quang V2 trình bày: Ngày 28/02/2017 Quỹ tín dụng nhân dân L và ông Trương Văn D1 ký hợp đồng tín dụng thế chấp và cầm cố số 41/02/2017 ngày 28/02/2017 (số hợp đồng kế toán theo dõi số 58/2/17) cho ông Trương Văn D1 số tiền 1.120.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng đến ngày 28/02/2018; mục đích vay sửa nhà ở, chăn nuôi bò, heo; Lãi suất 1,66%/tháng, lãi suất quá hạn 2,49%/tháng. Quỹ tín dụng nhân dân L đã giải ngân cho bên vay vào ngày 28/02/2017 có lập phiếu chi số chứng từ 0037/PC.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H1 thế chấp thửa đất số 417, diện tích 3.030m², loại đất ở - quả, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp K, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là Khóm V, phường L, tỉnh Vĩnh Long), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 942979 cấp ngày 07/03/1997 cho hộ ông Phạm Văn H, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 41/02/2017 ngày 28/02/2017 để đảm bảo nghĩa vụ thực hiện trả nợ số tiền 420.000.000 đồng.

Đồng thời, ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H1 ký tờ bảo lãnh dùng tài sản đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 4241 quyền số 09/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/11/2015 giữa ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị H1 với bà Bùi Xuân N gồm: Thửa đất số 62, diện tích 1.840m², đất chuyên trồng lúa nước, tờ bản đồ số 61, tọa lạc tại phường L, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 174472 cấp ngày 20/6/2011 cho bà Bùi Xuân N; Thửa đất số 49, diện tích 2.831,8m², đất chuyên trồng lúa nước, tờ bản đồ số 61, tọa lạc tại phường L, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 174473 cấp ngày 20/6/2011 cho bà Bùi Xuân N; Thửa đất số 25, diện tích 252,2m², đất chuyên trồng lúa nước, tờ bản đồ số 61, tọa lạc tại phường L, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 174474 cấp ngày

20/6/2011 cho bà Bùi Xuân N.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trương Văn D1 không thanh toán được khoản tiền nào cho Quỹ tín dụng nhân dân L. Mặc dù, Quỹ tín dụng nhân dân L đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng ông Trương Văn D1 vẫn không thanh toán. Tính đến ngày 19/8/2026 ông Trương Văn D1 còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân L số tiền gốc 1.120.000.000 đồng và tiền lãi là 3.103.004.800 đồng (tiền lãi trong hạn 226.822.400 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.876.182 đồng). Tổng cộng là 4.223.004.800 đồng.

Nay, Quỹ tín dụng nhân dân L yêu cầu ông Trương Văn D1 thanh toán cho Q1 tín dụng nhân dân Long Bình số tiền vay gốc 1.120.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 19/8/2026 là 3.103.004.800 đồng (tiền lãi trong hạn 226.822.400 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.876.182 đồng) và tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo hợp đồng tín dụng thế chấp và cầm cố số 41/02/2017 ngày 28/02/2017 (số hợp đồng kế toán theo dõi số 58/2/17). Quỹ tín dụng nhân dân L không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Bị đơn ông Trương Văn D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 là ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị C, ông Phạm Minh L, ông Phạm Văn C1, bà Phạm Thị V, ông Phạm Thành C2, ông Phạm Thành T, ông Phạm Văn V1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nhưng bà C, ông L, ông C1, bà V, ông C2, ông V1 có ý kiến không có tranh chấp và ý kiến gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn ông Trương Văn D1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 là ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị C, ông Phạm Minh L, ông Phạm Văn C1, bà Phạm Thị V, ông Phạm Thành C2, ông Phạm Thành T, ông Phạm Văn V1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hợp đồng tín dụng được giao kết hợp pháp. Quỹ tín dụng nhân dân L đã thực hiện việc giải ngân, bị đơn đã nhận tiền vay nhưng không thực hiện

đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Ông Trương Văn D1 vắng mặt, không có ý kiến phản đối và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thanh toán tiền vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1, 3 Điều 39; các điều 91, 97, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Các điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 100, 102, 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân L; buộc ông Trương Văn D1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng; tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong. Đối với hợp đồng thế chấp tài sản do nguyên đơn không có yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Quỹ tín dụng nhân dân L khởi kiện đối với ông Trương Văn D1 phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn ông Trương Văn D1 cư trú tại Khóm S, phường L, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1, 3 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Trương Văn D1, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị C, ông Phạm Minh L, ông Phạm Văn C1, bà Phạm Thị V, ông Phạm Thành C2, ông Phạm Thành T, ông Phạm Văn V1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người này.

[3] Đối với bà Phạm Thị S là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị H1, trong quá trình giải quyết vụ án bà S đã chết. Xét thấy, trong vụ án này Quỹ tín dụng nhân dân L chỉ yêu cầu ông Trương Văn D1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng, không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, tài sản bảo đảm của ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị H1 và những người kế thừa của bà H1. Tòa án cũng không xem xét, quyết định việc xử lý các tài sản bảo đảm. Việc giải quyết vụ án chỉ nhằm xác định nghĩa vụ thanh toán của ông Trương Văn D1 đối với Quỹ tín dụng nhân dân L, không làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ của ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị H1, bà Phạm Thị S hoặc những người kế thừa của họ. Vì vậy, việc bà Phạm Thị S đã chết nhưng chưa xác định được người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà S không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người này trong phạm vi giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử không tiếp tục

đưa người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị S vào tham gia tố tụng.

[4] Xét về hợp đồng tín dụng: Ngày 28/02/2017, Quỹ tín dụng nhân dân L và ông Trương Văn D1 ký Hợp đồng tín dụng thế chấp và cầm cố số 41/02/2017, số hợp đồng kế toán theo dõi 58/2/17, với số tiền vay 1.120.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 28/02/2017 đến ngày 28/02/2018; mục đích vay sửa nhà ở, chăn nuôi bò, heo; lãi suất trong hạn 1,66%/tháng, lãi suất quá hạn 2,49%/tháng. Quỹ tín dụng nhân dân L1 đã giải ngân đầy đủ số tiền vay cho ông Trương Văn D1 vào ngày 28/02/2017 theo Phiếu chi số 0037/PC. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông D1 không thanh toán khoản tiền nào cho Quỹ tín dụng nhân dân L mặc dù Quỹ tín dụng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở. Xét thấy, hợp đồng tín dụng được các bên giao kết trên cơ sở tự nguyện, đúng thẩm quyền, nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật; Quỹ tín dụng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giải ngân, còn ông D1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn. Theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, ông D1 có nghĩa vụ hoàn trả đầy đủ tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Quỹ tín dụng nhân dân L xác định tính đến ngày 19/8/2026, ông D1 còn nợ số tiền gốc 1.120.000.000 đồng và tiền lãi là 3.103.004.800 đồng (tiền lãi trong hạn 226.822.400 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.876.182 đồng). Tổng cộng là 4.223.004.800 đồng. Xét bảng tính lãi, căn cứ tính lãi, thời gian tính lãi, mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với số tiền gốc thực tế còn nợ, đồng thời ông D1 không có ý kiến phản đối hoặc cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc trả xong tiền nợ gốc và lãi. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân L, buộc ông Trương Văn D1 thanh toán số tiền gốc và lãi nêu trên.

[5] Về hợp đồng thế chấp và nghĩa vụ bảo lãnh liên quan tài sản bảo đảm: Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của ông Trương Văn D1 thì ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H1 có ký các giao dịch bảo đảm bằng tài sản theo hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, Quỹ tín dụng nhân dân L xác định không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp, tài sản bảo đảm trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét hiệu lực, phạm vi bảo đảm và việc xử lý các tài sản đã được dùng để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của ông Trương Văn D1. Quyền và nghĩa vụ của ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị H1 và những người kế thừa của bà H1 đối với các tài sản bảo đảm không phải là nội dung được giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này Quỹ tín dụng nhân dân Long Bình có yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm và các đương sự có yêu cầu liên quan đến hợp đồng thế chấp, tài sản bảo đảm thì sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về lãi phát sinh sau ngày xét xử: Kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2026, ông Trương Văn D1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[8] Từ các nhận định và phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Kiểm sát viên có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1, 3 Điều 39; các điều 91, 97, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Các điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 100, 102, 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân L.

Buộc ông Trương Văn D1 thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân L số tiền tính đến ngày 19/8/2026 là:

Nợ gốc: 1.120.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 226.822.400 đồng;

Lãi quá hạn: 2.876.182.400 đồng.

Tổng cộng: 4.223.004.800 đồng (*Bốn tỷ hai trăm hai mươi ba triệu không trăm linh bốn nghìn tám trăm đồng*).

Kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2026, ông Trương Văn D1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng thế chấp và cầm cố số 41/02/2017, số hợp đồng kế toán theo dõi 58/2/17 cho đến khi trả hết nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân L.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay trong từng thời kỳ của Quỹ tín dụng nhân dân L cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân L cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng nhân dân L cho vay.

Không xem xét, giải quyết việc xử lý tài sản thế chấp, tài sản bảo đảm trong vụ án này do Quỹ tín dụng nhân dân L1 không có yêu cầu. Các đương sự có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trương Văn D1 phải chịu 112.223.005 đồng (*Một trăm mười hai triệu hai trăm hai mươi ba nghìn không trăm linh năm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 46.656.500 đồng (*Bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003138 ngày 05 tháng 04 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Vĩnh Long).

Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 10 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADSKV10 – Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mộng Tiên